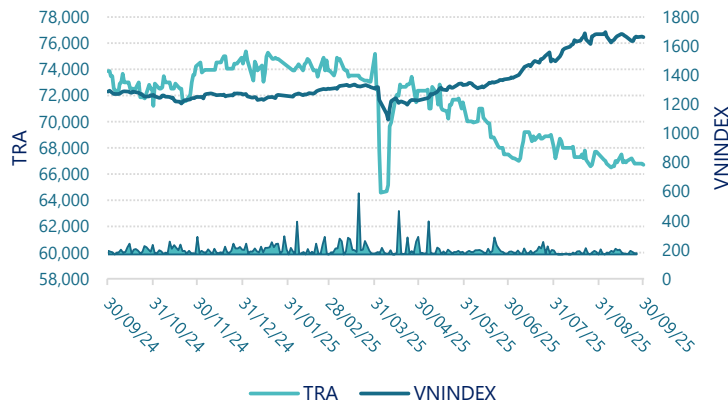




CTCP Traphaco (HSX: TRA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	66,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	75,377
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	64,581
SL cổ phiếu LH	41,450,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,250
% sở hữu nước ngoài	46.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,765
P/E	10.7
EPS	6,231

DT thuần

Q3/25

676

tỷ VNĐ

QoQ: ▼29.0| -4.1%

YoY: ▲ 112| 19.8%

LN sau thuế

Q3/25

78.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.50| 4.7%

YoY: ▲ 34.6| 79.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.4%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

9T 2025

1,936

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 205| 11.8%

LN sau thuế

9T 2025

201

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.0| 14.1%

ROE

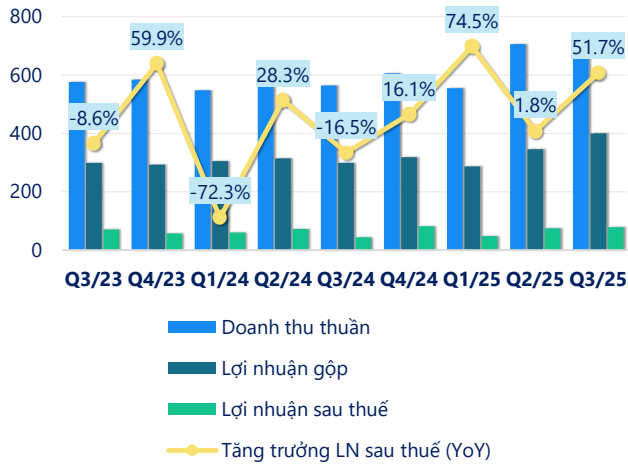
Q3/25

16.2%

+/- YoY: ▲ 2.5%

tỷ VNĐ

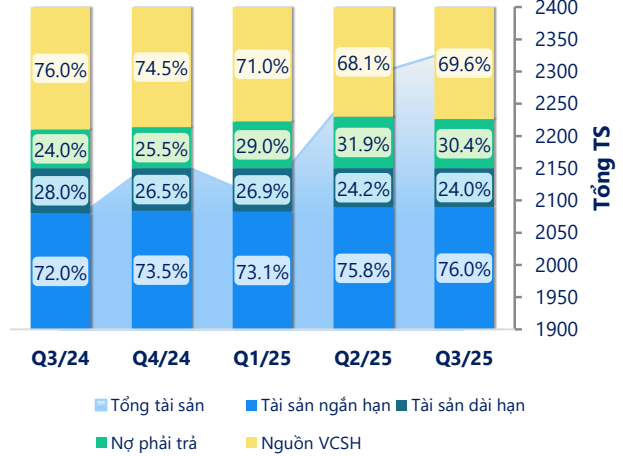
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

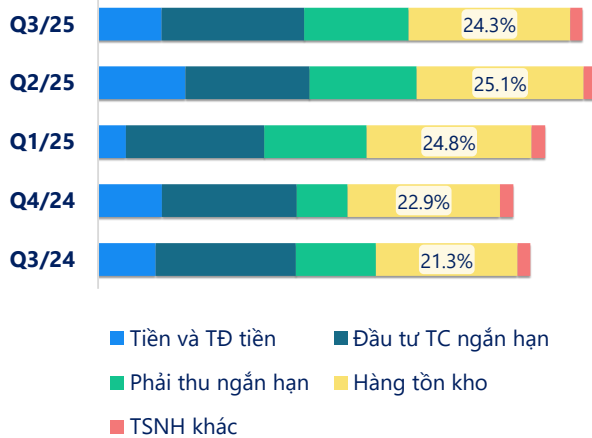
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



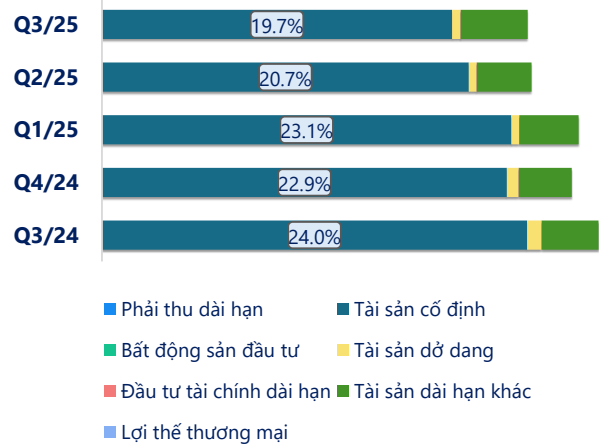
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

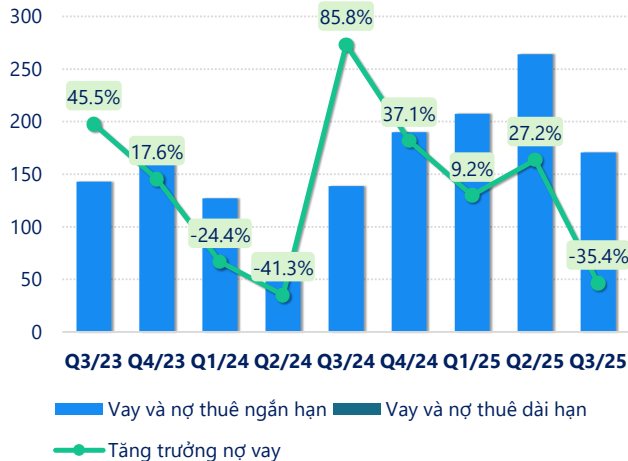
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

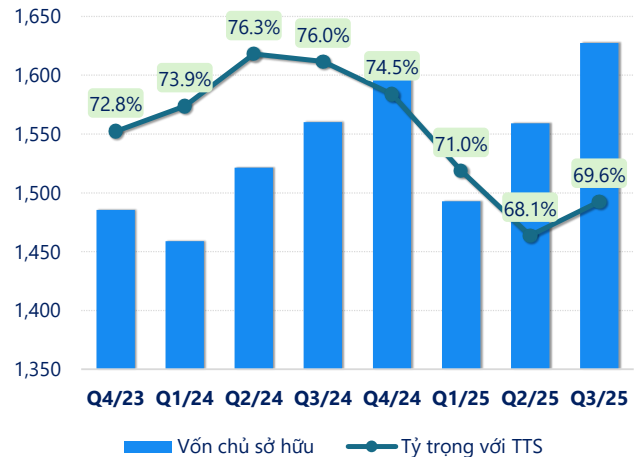
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

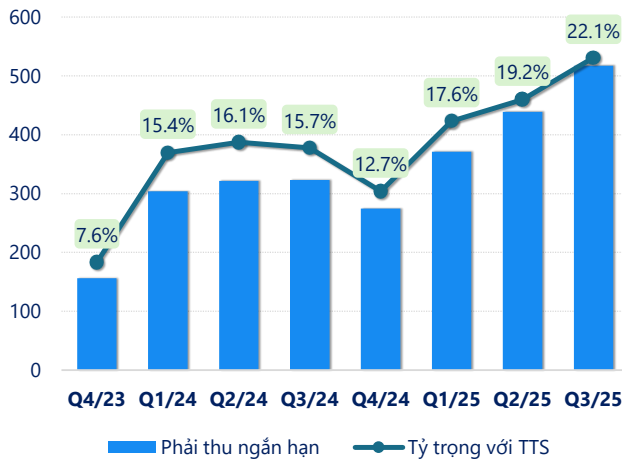
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



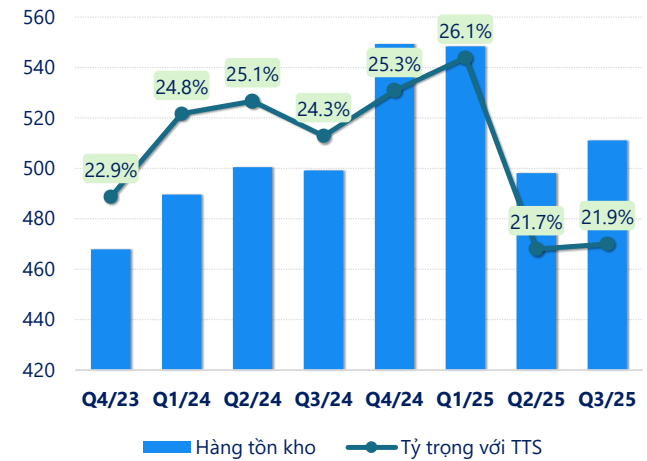
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


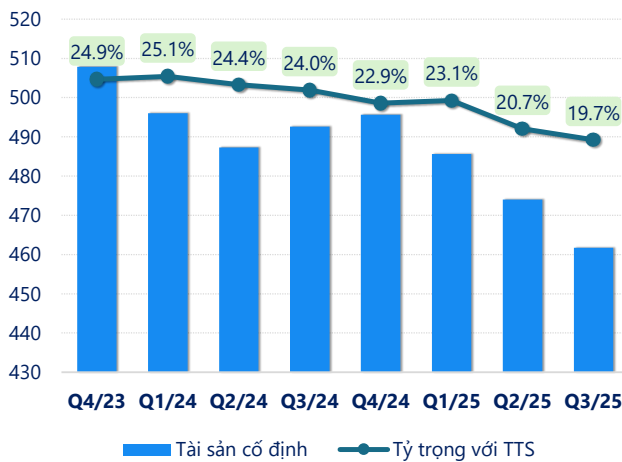
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


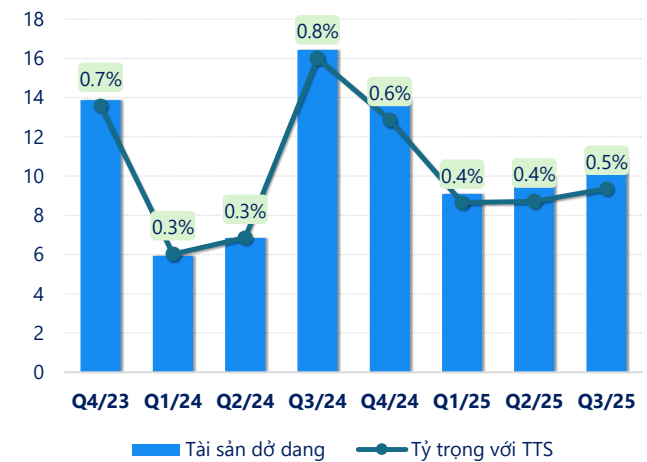
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

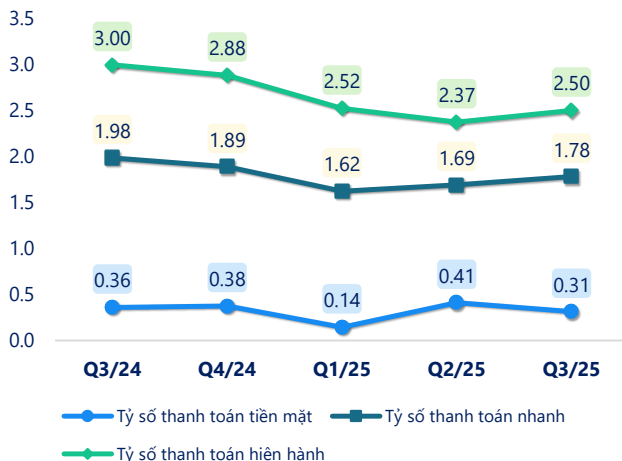
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

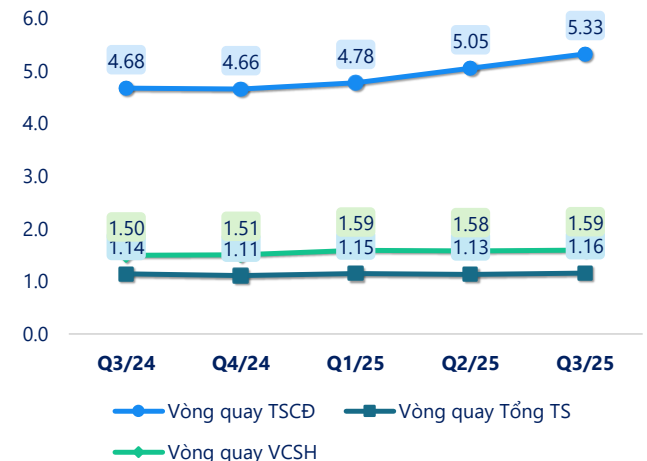
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,054	2,169	2,102	2,291	2,338
Tài sản ngắn hạn	1,478	1,594	1,537	1,736	1,777
Tiền và tương đương tiền	178	208	87.8	301	223
Đầu tư tài chính ngắn hạn	441	522	496	465	478
Phải thu ngắn hạn	323	275	371	439	517
Hàng tồn kho	499	549	548	498	511
Tài sản ngắn hạn khác	37.8	40.1	34.0	33.1	47.3
Tài sản dài hạn	575	575	565	555	561
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	493	496	486	474	462
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	16.4	14.0	9.09	9.97	10.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50
Tài sản dài hạn khác	65.9	64.8	70.3	70.6	88.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	493	553	609	731	710
Nợ ngắn hạn	493	553	609	731	710
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	190	207	264	171
Phải trả người bán ngắn hạn	125	181	136	205	230
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,561	1,616	1,493	1,559	1,628
Vốn chủ sở hữu	1,560	1,615	1,493	1,559	1,627
Vốn điều lệ	415	415	415	415	415
Kinh phí và quỹ khác	0.38	0.35	0.32	0.28	0.25

(Nguồn: fireant.vn)